

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 3 – HÀ NỘI**

Bản án số: **686/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/5/2026

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Lại**

*Các Hội thẩm nhân dân:-* Bà **Hoàng Thị Mỹ Hạnh**

**- Ông Đặng Văn Dũng**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lương Ngân Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội tham gia phiên tòa:**  
Bà **Bùi Thị Minh Huyền** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 371/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 về việc "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 660/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** **Chị Nguyễn Thị Thúy Q**, sinh năm 1995

Số căn cước công dân: 026195003026 cấp ngày 12/4/2022

Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: P – Tòa VP5, phường H, Thành phố Hà Nội. (Có mặt)

**- Bị đơn:** **Anh Nguyễn Hữu D**, sinh năm 1979

Số căn cước công dân: 001079014466 cấp ngày 16/6/2020

Nơi đăng ký thường trú: Số B ngách C N, phường T, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở trước khi đi thi hành án: P2638 – Tòa VP5, phường H, Thành phố Hà Nội.

Hiện nay, anh Nguyễn Hữu D đang đi thi hành án tại Phân trại số 2 – Trại giam T (Đội 19). (Xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy Q trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu D kết hôn với nhau tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 11 năm 2020 tại UBND xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là xã Hội Thịnh, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn, anh D đã kết hôn một lần và đã ly hôn, còn chị Q chưa kết hôn lần nào. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại P – Tòa VP5, phường H, Thành phố Hà Nội.

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn chủ yếu do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên nảy sinh cãi vã. Hơn nữa, anh D thường xuyên đi làm ăn xa nhà, thỉnh thoảng mới về nhà. Do đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, không còn tin tưởng nhau. Tình cảm vợ chồng cũng vì thế mà phai nhạt. Ngoài ra, chị Q còn phát hiện anh D có mối quan hệ ngoài luồng khi đang trong cuộc hôn nhân với chị. Điều này khiến chị không còn tin tưởng và không còn tình cảm với anh D nữa.

Trước khi anh chị kết hôn, anh D đã bị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Hiện nay, anh D đang đi thi hành án tại Phân trại số B – Trại giam T.

Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội giải quyết cho chị được ly hôn với anh D để chị ổn định cuộc sống.

Chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử sớm để chị ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Tại đơn ly hôn và bản tự khai tại Tòa án ngày 23/3/2026 chị Q trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu D không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Ngày 24/4/2026, chị Q trình bày tại Tòa: Trước khi đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Hữu D, chị và anh D đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014. Do đó, ngày 25/7/2016, chị có sinh cháu trai tên là Nguyễn Hoàng P tại Bệnh viện P1. Khi đó, chị và anh D chưa đăng ký kết hôn nên chị làm khai sinh cho cháu P đứng tên một mình chị, không có tên bố. Do giấy khai sinh của cháu P không có tên của bố nên các lời khai của chị tại Tòa trước đây, chị đều trình bày chị và anh D không có con chung. Đến nay, chị tìm hiểu quy định của pháp luật và chị đề nghị Tòa án ghi nhận cháu Nguyễn Hoàng P là con chung của chị và anh D. Chị đề nghị Tòa án tiến hành trưng cầu giám định ADN giữa cháu P và anh D để giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật.

Khi ly hôn, chị xin được nuôi cháu P và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, thu nhập của chị mỗi tháng khoảng 30 triệu đồng, chị có nhà ở ổn định. Do cháu P còn nhỏ, cần sự chăm sóc trực tiếp từ mẹ, đảm bảo ổn định cả về điều kiện học tập và sức khỏe.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Q xác nhận không có, khi ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

**\* Bị đơn anh Nguyễn Hữu D trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thúy Q kết hôn với nhau tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 11 năm 2020 tại UBND xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại P – Tòa VP5, phường H, Thành phố Hà Nội.

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian đến năm 2025 anh đi chấp hành án tại Trại giam T theo Bản án số 363 ngày 16/7/2010 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Hà Nội. Hiện nay anh đang chấp hành án tại phân trại số B – Trại giam T. Trước khi đi chấp hành án anh và chị Q sinh sống tại P – Tòa VP5, phường H, Thành phố Hà Nội.

Nay chị Q có đơn yêu cầu xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án xem xét cho anh và chị Q đoàn tụ với nhau, anh vẫn còn nhiều tình cảm với chị Q nên anh không đồng ý ly hôn chị Q.

Về con chung: Anh D trình bày, trước khi đăng ký kết hôn với chị Q, anh và chị Q chung sống với nhau từ năm 2014 nên chị Q có sinh một con trai là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 25/7/2016. Sau khi sinh con chị Q khai sinh chỉ có tên mẹ là Nguyễn Thị Thúy Q. Hiện nay, chị Q xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án tiến hành lấy mẫu xét nghiệm ADN để xác định cháu Nguyễn Hoàng P là con trai của anh và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nếu trong trường hợp cháu P là con trai của anh, anh có nguyện vọng được nuôi con và anh không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Anh và chị Q có một tài sản là nhà tại P – Tòa VP5, phường H, Thành phố Hà Nội, anh đã sang tên cho chị Q tại Trại giam. Về phần tài sản anh và chị Q sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về vay nợ chung: Anh D xác nhận không có, khi ly hôn, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Do hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam T, anh không thể tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong tất cả quá trình giải quyết vụ án.

**\* Theo đơn đề nghị của cháu Nguyễn Hoàng P trình bày:** Khi bố mẹ ly hôn, cháu P xin được ở với mẹ.

- Theo đề nghị của chị Q và anh D, Tòa án đã trưng cầu giám định ADN giữa cháu Nguyễn Hoàng P và anh Nguyễn Hữu D, theo kết luận giám định ADN của Công ty TNHH C kết luận anh Nguyễn Hữu D có quan hệ huyết thống cha con với cháu Nguyễn Hoàng P.

**\* Tại phiên tòa hôm nay**

- Chị Nguyễn Thị Thúy Q vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Hữu D. Về con chung: Chị Q công nhận kết luận giám định ADN giữa cháu P và anh D là đúng và chị xác nhận chị và anh D có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 25/7/2016. Khi ly hôn, chị Q xin được nuôi con chung là cháu P. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về các khoản nợ chung: Chị Q xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Nguyễn Hữu D đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh D hiện đang chấp hành án tại Trại giam T và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

**\* Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội có quan điểm:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của HĐXX và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội thụ lý đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy Q đối với anh Nguyễn Hữu D là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và thư ký đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH quy định về án phí năm 2016:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy Q về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Hữu D. Xử cho chị Q được ly hôn với anh D.

Về con chung: Công nhận kết quả xét nghiệm ADN của Công ty TNHH C kết luận anh Nguyễn Hữu D có quan hệ huyết thống cha con với cháu Nguyễn Hoàng P là đúng. Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng P cho chị Nguyễn Thị Thúy Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh D kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị Q và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về khoản nợ chung: Chị Q và anh D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thúy Q có đơn xin ly hôn đối với anh Nguyễn Hữu D có nơi tạm trú trước khi đi thi hành án tại P – Tòa VP5, phường H, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên vẫn không hòa giải để đoàn tụ được do anh D đang đi thi hành án. Vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Nguyễn Hữu D. Tại phiên tòa hôm nay, anh D có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Hữu D.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy Q và anh Nguyễn Hữu D kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký ngày 04 tháng 11 năm 2020 tại UBND xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là xã Hội Thịnh, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn, chị Q chưa kết hôn lần nào còn anh D đã kết hôn và đã ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của chị Q, sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn chủ yếu do tính cách và quan điểm sống không hợp

nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên nảy sinh cãi vã. Hơn nữa, anh D thường xuyên đi làm ăn xa nhà, thỉnh thoảng mới về nhà. Do đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, không còn tin tưởng nhau. Nên tình cảm vợ chồng cũng vì thế mà phai nhạt. Ngoài ra, chị Q còn phát hiện anh D có mối quan hệ ngoài luồng khi đang trong cuộc hôn nhân với chị. Điều này khiến chị không còn tin tưởng và không còn tình cảm với anh D nữa.

Căn cứ vào lời trình bày của anh Nguyễn Hữu D, quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2025 anh đi chấp hành án tại Trại giam T. Hiện nay anh đang chấp hành án tại phân trại số B – Trại giam T. Nay chị Q có đơn yêu cầu xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án xem xét cho anh và chị Q đoàn tụ với nhau vì anh vẫn còn nhiều tình cảm với chị Q nên anh không đồng ý ly hôn chị Q.

Xét thấy cuộc hôn nhân muốn có hạnh phúc phải được xây dựng từ hai phía, hai vợ chồng phải chung sống cùng nhau, tin tưởng, quan tâm và thương yêu chăm sóc nhau. Nhưng giữa chị Q và anh D đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, không còn tin tưởng nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thúy Q và anh Nguyễn Hữu D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị Q xin ly hôn là có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q, xử cho chị Nguyễn Thị Thúy Q được ly hôn với anh Nguyễn Hữu D là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Theo kết quả xét nghiệm ADN của Công ty TNHH C kết luận anh Nguyễn Hữu D có quan hệ huyết thống cha con với cháu Nguyễn Hoàng P. Do giấy khai sinh chỉ mang tên người mẹ là chị Nguyễn Thị Thúy Q nên sau khi ly hôn chị Q và anh D có nghĩa vụ đi làm lại giấy khai sinh cho cháu Nguyễn Hoàng P theo quy định của pháp luật.

Anh D và chị Q xác nhận có một chung cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 25/7/2016. Khi ly hôn, chị Q và anh D đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu P. Xét về điều kiện nuôi con giữa chị Q và anh D. Về phía chị Q, thu nhập hàng tháng của chị khoảng 30.000.000 đồng (Đã có giấy xác nhận thu nhập nộp cho Tòa án), chị Q có nơi ở ổn định (Đã nộp giấy tờ nhà). Hơn nữa, cháu P còn nhỏ, cần có sự quan tâm, chăm sóc sát sao về sức khỏe, học tập từ mẹ. Vì những lý do đó, chị Q mong Tòa án xem xét cho chị được nuôi cháu P. Về phía anh D, anh D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P, nhưng hiện nay anh D đang phải chấp hành án tại Trại giam T.

Xét thấy, các đương sự không thống nhất được việc nuôi con chung sau khi ly hôn. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Nguyễn

Thị Thúy Q là người có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Khi xem xét, đánh giá việc giao con chưa thành niên cho người cha hay người mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cần phải xem xét đánh giá khách quan, đảm bảo về quyền lợi chính đáng của con chung vì việc nuôi và chăm sóc con vừa là quyền nhưng cũng vừa là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Hơn nữa, nếu con trên 7 tuổi thì cũng cần xem xét nguyện vọng của con khi quyết định giao con cho bố hay mẹ nuôi. Tại bản trình bày ý kiến tại Tòa án, cháu P mong muốn được ở cùng với mẹ. Do vậy, căn cứ vào Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng P cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh D có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị Q và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Q và anh D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lý trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy Q, chị Nguyễn Thị Thúy Q được ly hôn với anh Nguyễn Hữu D.

**2. Về con chung:** Xác nhận chị Nguyễn Thị Thúy Q và anh Nguyễn Hữu D có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 25/7/2016 (Theo Giấy

khai sinh số 234/2016 do UBND xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 25/8/2016). Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng P cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị Thúy Q và anh Nguyễn Hữu D có nghĩa vụ đi làm lại Giấy khai sinh cho cháu Nguyễn Hoàng P theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Hữu D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy Q không yêu cầu anh Nguyễn Hữu D cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Hữu D kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

**3. Về tài sản chung và nhà ở chung:** Chị Nguyễn Thị Thúy Q và anh Nguyễn Hữu D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về nợ chung:** Chị Nguyễn Thị Thúy Q và anh Nguyễn Hữu D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**5. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Thúy Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006130 ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Chị Nguyễn Thị Thúy Q đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

**6. Về quyền kháng cáo:** Chị Nguyễn Thị Thúy Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hữu D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 3 – Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Hà Nội;
- UBND nơi ĐKKH;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Lại**